

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08 – 12 – 2020  
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phan Phước Tân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 556/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 575/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị Ánh Ng, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 03, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

***Bị đơn:*** Ông Lâm Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 03, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Ánh Ng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lâm Văn H vắng mặt không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/8/2020 của bà Huỳnh Thị Ánh Ng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông H tự tìm hiểu và về chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã KA, huyện AP (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 20/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP).

Sau khi kết hôn bà Ng và ông H sống riêng tại ấp AK, xã KA, huyện AP. Quá trình

chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng hai năm sau khi kết hôn thì ông H thường xuyên rượu chè, khi say xỉn thì chửi mắng và đuổi bà Ng đi. Khi bà Ng mang thai con thứ hai thì bà Ng về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông H và gia đình ông H có đến kêu bà Ng quay về và ông H hứa sẽ sửa đổi bản thân. Sau khi chung sống lại vẫn không hạnh phúc. Đến năm 2014 thì bà Ng lên Bình Dương làm công nhân, ông H cũng đi theo. Thời gian này cả hai phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng ông H vẫn không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên rượu chè, đánh đập bà Ng. Bên cạnh đó, ông H cũng không chung thủy trong đời sống vợ chồng, có quan hệ tình cảm bên ngoài. Bà Ng và ông H đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông H sinh được 04 (bốn) con chung tên: Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004, Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2007, Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012, Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Ng.

Bà Ng yêu cầu được nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Lâm Văn H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/10/2020 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, ông H cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 21/10/2020, bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận làm ăn ở xa.

Tòa án ban hành Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 1213/TB-TA ngày 30/10/2020 và thông báo cho bà Ng, ông H biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Ng giao nộp: Bản tự khai ngày 21/8/2020; Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 20/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP; bản sao 04 (bốn) Giấy khai sinh mang tên Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004; Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2011; Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012; Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Lâm Văn H; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Ánh Ng; bản chính Đơn yêu cầu ngày 21/10/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Huỳnh Văn Ch ngày 13/10/2020; biên bản ghi nhận ý kiến con chung Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004; Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2011; Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012; biên bản xác minh tại ban ấp AK, xã KA, huyện AP ngày 30/10/2020 có sự xác nhận của Công an xã KA.

Tại phiên tòa, do bà Ng và ông H cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Ng, biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Huỳnh Văn Ch, biên bản xác minh tại ban ấp AK, xã KA, biên bản ghi nhận ý kiến con chung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13/10/2020, ông Huỳnh Văn Ch cho biết: Ông là cha ruột của bà Ng. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân của ông H và bà Ng thì giống như lời bà Ng trình bày. Năm 2014 thì ông H và bà Ng lên Bình Dương làm công nhân, thời gian này cả hai phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nhiều lần ông Ch lên thăm cháu ngoại phải xay lúa mang theo do cuộc sống của Ng gặp nhiều khó khăn, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên rượu chè, đánh đập bà Ng. Bên cạnh đó, ông H cũng không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Khi mới phát sinh mâu thuẫn, gia đình cũng có động viên hòa giải nhưng mọi chuyện vẫn không tiến triển. Do không chung sống được nên cả hai sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Ông Ch được biết hiện nay ông H đã có gia đình riêng, vợ chồng không thể hàn gắn lại nên mong Tòa án giải quyết cho Ng được ly hôn với H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông H sinh được bốn con chung tên: Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004, Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2007, Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012, Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014. Con chung hiện đang sinh sống cùng bà Ng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do bận công việc làm ăn nên ông Chúng yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh tại ban ấp AK, xã KA, huyện AP ngày 30/10/2020; đại diện ban ấp AK cho biết: Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 03, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông H hiện đi làm ăn xa, nhưng thỉnh thoảng có trở về địa phương. Được biết ông H cũng đã có gia đình riêng. Quá trình sinh sống tại địa phương, ông H và bà Ng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đánh nhau. Gia đình hòa giải, hàn gắn cho cả hai, sau đó cả hai lên Bình Dương làm công nhân và tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau đã lâu. Người nhận văn bản tố tụng thay cho ông H là em ruột của ông H tên Lâm Văn Th.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến, các cháu Lâm Như H1, Lâm Văn L1, Lâm Văn T1 đều thể mong muốn chung sống cùng bà Ng do các cháu đã sống cùng bà Ng từ nhỏ cho đến nay, ông H đã bỏ nhà đi từ lâu, không về nhà.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp pH thay đổi. Ông Lâm Văn H vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Huỳnh Thị Ánh Ng có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Huỳnh Văn Chúng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Ng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Ng và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy các con chung của bà Ng. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do bà Ng đã tự nguyện rút lại yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Lâm Văn H đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Huỳnh Văn Ch có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### [2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Ng và ông H hình thành do tự tìm hiểu, dau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyển số 01 ngày 20/10/2009. Ông Lâm Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 03, ấp AK, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

### [3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng cho rằng, quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông H không chung thủy, sống không có trách nhiệm với vợ con trong điều kiện hoàn cảnh gặp khó khăn về kinh tế. Bà Ng đã khuyên can, tạo điều kiện cho ông H sửa đổi nhưng ông H vẫn không thay đổi. Từ đó hai người sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông H. Những mâu thuẫn mà bà Ng trình bày được ông Huỳnh Văn Chúng và đại diện ban án AK, xã KA, huyện AP xác nhận.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Ng và ông H lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông H không chung thủy trong quá trình chung sống với bà Ng, cũng như việc cả hai đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù đã được gia đình hòa giải, động viên đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Ng và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông H sinh được 04 (bốn) con chung tên: Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004; Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2011; Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012; Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Ng.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Ng, sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, nguyện vọng của các cháu Lâm Như H1, Lâm Văn L1, Lâm Văn T1 về việc

cùng mong muốn sống với bà Ng trong trường hợp bà Ng và ông H không còn chung sống; riêng cháu Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014 hiện còn nhỏ lứa tuổi cần được sự chăm sóc của người mẹ, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà Ng được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 21/8/2020, bà Ng yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ng thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà Ng không yêu cầu ông H cấp dưỡng để nuôi con chung. Tòa án cũng đã giải thích cho bà Ng về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà Ng vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà Ng trong việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng để nuôi dạy con chung và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Ng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Lâm Văn H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) pH tôn trọng quyền được nuôi con của bà Huỳnh Thị Ánh Ng. Ngược lại, bà Huỳnh Thị Ánh Ng cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông H có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Ng và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ánh Ng được ly hôn với ông Lâm Văn H.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ánh Ng được trực tiếp nuôi dạy 04 (bốn) con chung tên: Lâm Như H1, sinh ngày 22/02/2004, Lâm Văn L1, sinh ngày 26/11/2007, Lâm Văn T1, sinh ngày 14/02/2012, Lâm Văn D1, sinh ngày 10/4/2014. Ông Lâm Văn H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Lâm Văn H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Huỳnh Thị Ánh Ng. Ngược lại, bà Huỳnh Thị Ánh Ng cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lâm Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh Ng đối với yêu cầu ông Lâm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004788 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Huỳnh Thị Ánh Ng và ông Lâm Văn H. Bà Ng và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 149, quyền số 01 ngày 20/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú cấp cho bà Huỳnh Thị Ánh Ng và ông Lâm Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An, huyện An Phú (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Tuấn**